Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3921.90

Mã HS	3921.90
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	08/11/2026 10:03:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/392190/

11 dòng thuế thuộc 3921.90

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3921.90.10	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ sợi lưu hóa	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.20	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các protein đã được làm cứng	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.30	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.41	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Dạng tấm và phiến (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.42	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Dạng màng (SEN)	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.43	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Dạng dải có ép vật liệu dệt	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.49	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp: / - - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.50	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ xenlulo tái sinh	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3921.90.60	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ xenlulo khác hoặc các dẫn xuất hóa học của nó	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.70	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Từ các polyme trùng hợp	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3921.90.90	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Loại khác	kg/m2/chiếc	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.